

DANH MỤC HÀNG HÓA GỬI RA CÔNG TRÌNH BIỂN
СПИСОК ГРУЗОВ ДЛЯ ОТПРАВКИ НА МОРСКИЕ ОБЪЕКТЫ (№ 397/2020)

Tàu dịch vụ / ТБС: VUNGTAU-01

Bắt đầu xếp hàng / Начало погрузки: 14:00 16/10/2020

Thời gian tàu rời bến / Отход в море: 21:00 16/10/2020(VER.2)

П/П	Tên công trình biển Наименов. Объектов	Hàng hóa được gửi Отправленный груз		SL đặt hàng Кол-во заявлени.		Cho dự án Lô Для Блока	Đơn vị gửi Заказчик
		№	Tên vật tư, hàng hóa Наименование груза	Kiện Место	Tấn тонн		
1	Mурманска я	1	giá máy OH-TB-22 (7.20x1.00)m	1 CONT	2.0 T	09-1	KПГ
		2	Cross (1.5x1.5x0.5)m	1 шт	0.5 T	-/-	ПДНГ
		3	<u>Nitrogen Tank (3x2.5x2.6)m</u> <u>№:L40/L41/L42/L43/L44/L45/21908/21909</u> <u>(3.00x2.50)m</u>	8 ёМК	92.0 T	-/-	-/-
		4	<u>Control Cabin (3.2x2.5x2.5)m</u>	1 шт	7.0 T	-/-	-/-
		5	<u>Nitrogen Converter Pump 02 (5.00x3.00)m</u>	1 шт	10.5 T	-/-	-/-
		6	<u>Power Pack (4.3x2.5x2.5)m</u>	1 шт	10.0 T	-/-	-/-
		7	<u>Power Reel (3.6x2.5x3)m</u>	1 шт	24.0 T	-/-	-/-
		8	Hose Basket (2x2x1.3)m	1 шт	3.0 T	-/-	-/-
		9	Hose Reel (2.5x1.8x1.8)m	1 шт	5.0 T	-/-	-/-
		10	BOP (2x1.7x2)m (2.00x1.70)m	1 шт	3.0 T	-/-	-/-
		11	Gooseneck (4.6x1.5x1.5)m	1 шт	2.0 T	-/-	-/-
		12	<u>Injector (3.3x2.7x3.8)m</u>	1 шт	7.0 T	-/-	-/-
		13	Doghouse DH-CT-08 (3x2.4x2.5)m	1 CONT	5.0 T	-/-	-/-
		14	Container CT-DH-10 (2.5x2.3x2.4)m	1 CONT	5.0 T	-/-	-/-
		15	Container 10ft CT-DH-09 (3.00x2.50)m	1 CONT	5.0 T	-/-	-/-
		16	Iron Basket TSL-29 (4.4x1.2x0.8)m	1 CONT	4.0 T	-/-	-/-
				17	Zип VSP-6 (1.80x1.80)m	1 CONT	2.5 T
2	ТамДао-05	1	Zип VSP-6 (1.80x1.80)m	2 CONT	6.0 T	09-1	ПБиКРС
		2	<u>СБТ-89мм/40шт (9.50x0.50)m</u>	2 пак	8.0 T	-/-	-/-
		3	<u>Вибросито б/у (3.00x2.00)m</u>	1 шт	1.5 T	-/-	-/-
		4	Tang hóa phẩm trống (1.20x1.00)m	1 шт	0.2 T	-/-	ПДНГ
		5	ZИП (3.2x1.3)m	1 CONT	1.5 T	-/-	ЦБВРиООС
Tổng cộng - Всего:				29	204.7 T		

Chuyên viên TTĐĐSX / Гл.специалист ЦПДС:

